

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ Q  
TỈNH QUẢNG NINH**

Bản án số: 23/2021/HS-ST  
Ngày 09-4-2021.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q - TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Điền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Công Soạn
2. Bà Đỗ Thị Kim Chinh

**- Thư ký phiên toà:** Bà Mai Thùy Dung - Là thư ký Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà:** Ông Dương Văn Phúc - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2021/TLST - HS ngày 19 tháng 3 năm 2021 và theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST - HS ngày 25 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn Th**, sinh ngày 07/01/1990; tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Khu , phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1948 và bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1955; vợ, con: Chưa có; tiền án: Ngày 28/11/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã Q xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, ngày 27/4/2019 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương; tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện Y (nay là thị xã Q) xử phạt 20 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 35 tháng về tội “*Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia*”. Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 05/01/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Q, có mặt.

**- Người bị hại:**

Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1977, trú tại: Khu K, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1965, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

2/Anh Tạ Hữu Th, sinh năm 1968, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

3/Anh Ty Văn Ch, sinh năm 1969, trú tại: Khu Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1/Chị Phạm Thị G, sinh năm 2000, trú tại: Xóm Đ, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

2/Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1989; trú tại: Khu K, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

3/Chị Tô Thị L, sinh năm 1968; trú tại: Tổ 12, khu 4, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 01/01/2021 anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1977, trú tại khu K, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh có thả hai con trâu đực ra ngoài cánh đồng thuộc thôn 16, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Th đi làm về nhìn thấy ở cánh đồng trước cửa nhà có hai con trâu đực nhưng không thấy có người chăn hoặc trông coi, nên nảy sinh ý định trộm cắp hai con trâu đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Th đi ra dắt hai con trâu về buộc, cắt dấu ở vườn cây bạch đàn sau nhà. Sau đó thông qua mạng xã hội Th liên hệ với anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1965, trú tại thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh, thỏa thuận bán hai con trâu cho anh Đ với giá 45.000.000đồng, anh Đ đồng ý. Vào 07 giờ ngày 02/01/2021 Th thuê một người đàn ông điều khiển xe ô tô tải loại 2,5 tấn có thùng (không rõ họ tên địa chỉ cụ thể, không nhớ biển kiểm soát xe), với giá 4.5000.000đồng để chở hai con trâu ra huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh giao cho anh Đ. Đến ngày 04/01/2021 Th biết hai con trâu Th trộm cắp là của anh Đ và biết anh Đ đã trình báo Cơ quan điều tra Công an thị xã Q, nên đã chủ động liên hệ để bồi thường, đồng thời đề nghị anh Đ rút lại đơn trình báo. Anh Đ nhận

được số tiền 85.000.000đồng do Th bồi thường, anh Đ đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra Công an thị xã Q.

Sau khi mua được hai con trâu, anh Đ đã bán lại hai con trâu này cho anh Tạ Hữu Th, sinh năm 1968, trú tại thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh, sau đó anh Th bán lại cho anh Ty Văn C, sinh năm 1969; trú tại khu Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh, anh C đã giết một con lấy thịt đem bán, còn lại một con, sau khi biết được trâu do người khác trộm cắp anh C đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra Công an thị xã Q.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02 ngày 12/01/2021 và số 07 ngày 23/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Q kết luận: 01 con trâu đực trọng lượng 340kg, trị giá 30.600.000đồng; 01 con trâu đực trọng lượng 300kg, trị giá 27.000.000đồng.

Ngày 05/01/2021 Nguyễn Văn Th bị bắt, tại Cơ quan điều tra Th đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, Cơ quan điều tra đã thu giữ của Th 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6plus có số thuê bao 0963.352.928 Th dùng để liên lạc bán trâu; 01 chiếc điện thoại Oppo A71K có số thuê bao 0867.950.919 Th sử dụng liên lạc để thỏa thuận bồi thường cho anh Đ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 con trâu đực trọng lượng 340kg đã trả lại cho người bị hại anh Phạm Văn Đ.

Đối với số tiền 85.000.000đồng do Th chuyển để bồi thường thiệt hại, anh Đ đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Anh Đ yêu cầu Th phải bồi thường số tiền 45.000.000đồng; anh C yêu cầu Th bồi thường số tiền 27.000.000đồng, Cơ quan điều tra đã xử lý trả cho anh Đ và anh C số tiền như đã yêu cầu, số tiền còn lại 13.000.000đồng bị cáo Th đề nghị Cơ quan điều tra trả lại cho gia đình quản lý.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKSQY ngày 18/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q - tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn Th từ 36 đến 42 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 05/01/2021; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus màu xám, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Th 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A71K màu xanh đã qua sử dụng. Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Q; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Th khai nhận hành vi phạm tội của mình như phần “*nội dung vụ án*” đã nêu. Bị cáo xác định hành vi mà bị cáo đã thực hiện là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp thời gian địa điểm xảy ra vụ án; đơn trình báo và lời khai của người bị hại anh Phạm Văn Đ; phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn Đ, anh Tạ Hữu Th; anh Ty Văn C và những người làm chứng chị Phạm Thị Giang, chị Hoàng Thị Huyền và chị Tô Thị Lâm; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường; biên bản tạm giữ đồ vật tài sản do Công an thị xã Q lập các ngày 06 và 10/01/2021. Phù hợp với kết luận định giá tài sản số 02 ngày 12/01/2021 và số 07 ngày 23/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Q.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 18 giờ ngày 01/01/2021, tại thôn 16, xã Hiệp Hòa, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn Th đã có hành vi trộm cắp 02 con trâu đực của gia đình anh Phạm Văn Đ trị giá 57.600.000đồng.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của Nguyễn Văn Th đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q đã quy kết đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, thể hiện sự coi thường kỷ cương pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, bản thân bị cáo do ham chơi đua đòi, muốn kiếm tiền không bằng chính sức lao động của mình, bị cáo thực hiện tội phạm một cách chủ động, đã lợi dụng lúc người bị hại sơ hở để trộm cắp tài sản, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo.

Xét nhân thân bị cáo thì thấy: Nguyễn Văn Th là người đã trưởng thành có sức khỏe lẽ ra bị cáo phải chọn cho mình một công việc phù hợp để có thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình, nhưng vì ham chơi, đua đòi muốn có tiền để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, mặc dù bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện nên bị cáo đã đi vào con đường phạm tội; bản thân bị cáo có nhân thân xấu. Năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện Y (nay là thị xã Q) xử phạt 20 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 35 tháng về tội *“Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”*. Ngày 28/11/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã Q xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội *“Cướp tài sản”*, đến ngày 27/4/2019 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện mà lại tiếp tục phạm tội, chưa được xóa án tích, bản án trước chưa đủ để bị cáo tiếp thu sự giáo dục, cải tạo của cơ quan pháp luật, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới tương xứng đúng mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xét: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được sai phạm, tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, bị cáo đã chủ động khắc phục hậu quả bồi thường cho người bị hại anh Đ số tiền 45.000.000đồng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh C số tiền 27.000.000đồng. Nên Hội đồng xét xử áp điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt, để bị cáo thấy được sự khoan hồng trong chính sách hình sự của pháp luật nhà nước ta đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, quyết tâm sửa chữa lỗi lầm trở thành người lương thiện.

[4] Ngoài hình phạt chính, lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự phạt bị cáo một khoản tiền để sung quỹ nhà nước. Nhưng cũng xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và tài sản riêng. Nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus màu xám, đã qua sử dụng, số Imei: 354452065875044 kèm theo 01 thẻ sim Viettel số thuê bao 0963.352.928 bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch sung quỹ nhà nước; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A71K màu xanh đã qua sử dụng số Imei1: 869602034148414, số Imei 2: 86960203418406 kèm theo 01 thẻ sim Viettel số thuê bao 0867.950.919 không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Xét thiệt hại và trách nhiệm dân sự: Tài sản do bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại anh Phạm Văn Đ và bị cáo đã bồi thường cho anh Đ cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ty Văn C. Tại phiên tòa anh Đ và anh C vắng mặt nhưng cũng không có yêu cầu gì đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Trong vụ án này các anh Phạm Văn Đ, anh Tạ Hữu Th và anh Ty Văn C đã mua 02 con trâu, nhưng không biết là do Th trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Nguyễn Văn Th 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 05/01/2021.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone

6Plus màu xám, đã qua sử dụng, số Imei: 354452065875044 kèm theo 01 thẻ sim Viettel số thuê bao 0963.352.928.

Trả lại cho bị cáo Th 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A71K màu xanh đã qua sử dụng số Imei 1: 869602034148414, số Imei 2: 86960203418406 kèm theo 01 thẻ sim Viettel số thuê bao 0867.950.919, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án (Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã Q và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q ngày 18 tháng 3 năm 2021).

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Nguyễn Văn Th phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ vào Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận :***

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TX Q;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu HS + VP + THA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

***Nguyễn Văn Điền***

